

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH
TỈNH LÂM ĐỒNG

Bản án số: 03/2019/TLST-HNGĐ

Ngày: 21-01-2019

V/v xin ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH – TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông K'Tìm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Phúc.
2. Bà Lê Thị Chung.

Thư ký Tòa phiên tòa: Ông Phạm Bá Cường Huy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh tham gia phiên tòa : Ông Mai Văn Cường, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2018/TLST-HNGĐ ngày 30/3/2018 về việc xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 02/10/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Ka B; sinh năm 1968.
Địa chỉ: Xóm 3 thôn B, xã l, huyện b, tỉnh Lâm Đồng.
2. *Bị đơn:* Ông Trần Xuân Y
Địa chỉ: Số xx, thôn 8, xã h, huyện d, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Ka B trình bày:

Bà và ông Trần Xuân Y kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28-01-2010, tại UBND xã Lộc An, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là ông Y lười biếng, không chịu lao động. Tất cả các chi phí sinh hoạt trong gia đình đều do bà chi trả, từ đó dẫn đến kinh tế gia

đình khó khăn. Ngoài ra ông Y không trung thực trong cuộc sống hàng ngày. Đến năm 2015 thì vợ chồng sống ly thân, bà về nhà bố mẹ đẻ tại Lộc An sinh sống, ông Y ở một mình tại xã Hòa Ninh cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc cho nhau nên xin được ly hôn với ông Y.

Bà và ông Y không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con chung. Hiện bà không có thai nghén gì cả.

Bà và ông Y không có tài sản chung, tài sản riêng của mỗi người tự quản lý. Vợ chồng không có thỏa thuận về chế độ tài sản chung. Khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản.

- Đối với bị đơn, ông Trần Xuân Y, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhưng ông không chấp hành, Tòa án cũng đã kết hợp với chính quyền địa phương đến nhà ông Y tại số 20, thôn 8 xã Hòa Ninh, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng để ghi lời khai của ông. Tuy nhiên khi cán bộ Tòa án đến nhà thì ông Y khóa cửa rào, thả chó nên Tòa án không ghi được lời khai của ông.

- Tại biên bản xác minh ngày 05-10-2018 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh với ông Vũ Văn Giao là hàng xóm, sống cạnh nhà ông Y có nội dung: Vợ chồng ông Y bà Ka B sống chung tại thôn 8 xã Hòa Ninh từ năm 2010 đến năm 2015 thì không sống với nhau nữa. Cũng từ năm 2015, bà Ka B không trở lại thôn 8 xã Hòa Ninh, tại địa chỉ này chỉ có một mình ông Y sinh sống. Là hàng xóm sống cạnh nhà ông Y ông Giao xác định có thấy vợ chồng ông Y bà Ka B thường hay cãi nhau, lý do là ông Y lười lao động, không chịu đi làm, dẫn đến kinh tế gia đình khó khăn. Trên quan điểm cá nhân ông Giao nhận thấy cần giải quyết cho vợ chồng ông Y bà Ka B được ly hôn.

- Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án thì thẩm phán và hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Viên kiểm sát không có yêu cầu kiến nghị gì.

- Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51 và 56 Luật Hôn Nhân và gia đình xử cho bà Ka B được ly hôn ông Trần Xuân Y.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản: Các đương sự không có yêu cầu giải quyết về phần tài sản nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý

và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay, hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ hôn nhân bà Ka B và ông Trần Xuân Y sống chung có đăng ký kết hôn ngày 28/01/2010 tại UBND xã Lộc An, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng, kết hôn hoàn toàn tự nguyện, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống từ năm 2011 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Y lười lao động, không chịu đi làm từ đó dẫn đến kinh tế gia đình khó khăn. Tất cả các chi phí trong gia đình đều do một mình bà Ka B gánh chịu. Ngoài ra ông Y thường sống khép kín nhà thường đóng cửa, không qua lại với ai. Từ đầu năm 2015, bà Ka B về sinh sống tại xã Lộc An, ông Y sống một mình tại Thôn 8 xã Hòa Ninh cho đến nay. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Ka B và ông Trần Xuân Y đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. nay bà Ka B xin ly hôn là có căn cứ, nên hội đồng xét xử cần xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Ka B là phù hợp.

[2] Về con chung: Bà Ka B và ông Trần Xuân Y không có con chung nên không đề cập giải quyết.

[3] Về tài sản: Do bà Ka B không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

[4] Về án phí: Bà Ka B phải chịu án phí sơ thẩm xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Ka B được ly hôn với ông Trần Xuân Y.
2. Về con chung: Bà Ka B và ông Trần Xuân Y không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Bà Ka B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn. Bà Ka B đã tạm nộp 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2016/0003307 ngày 30/3/2018 của chi cục thi hành án dân sự huyện Di Linh, chuyển số tiền tạm ứng này thành tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai tại UBND xã (phường, thị trấn) nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Di Linh;
- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- Các đương sự;
- UBND xã Lộc An;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

K'Tìm

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào lúc 10 giờ 30 phút ngày 21 tháng 01 năm 2019, tại Phòng nghị án TAND huyện Di Linh. HĐXX đã tiến hành nghị án đối với vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 60/2018/TLST-HNGĐ ngày 30/3/2018 Về việc xin ly hôn giữa bà Ka B và ông Trần Xuân Y. heo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 02/10/2018.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: ông K' Tim.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Chung và ông Bà Trần Thị Phúc.

NỘI DUNG

1- Ý kiến thành viên HĐ xét xử:

Hội thẩm Phúc ý kiến:

[1] Về quan hệ hôn nhân bà Ka B và ông Trần Xuân Y sống chung có đăng ký kết hôn ngày 28/01/2010 tại UBND xã Lộc An, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng, kết hôn hoàn toàn tự nguyện, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống từ năm 2011 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Y lười lao động, không chịu đi làm từ đó dẫn đến kinh tế gia đình khó khăn. Tất cả các chi phí trong gia đình đều do một mình bà Ka B gánh chịu. Ngoài ra ông Y thường sống khép kín nhà thường đóng cửa, không qua lại với ai. Từ đầu năm 2015, bà Ka B về sinh sống tại xã Lộc An, ông Y sống một mình tại Thôn 8 xã Hòa Ninh cho đến nay. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Ka B và ông Trần Xuân Y đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. nay bà Ka B xin ly hôn là có căn cứ, nên hội đồng xét xử cần xem xét chấp nhận Y cầu xin ly hôn của bà Ka B là phù hợp.

[2] Về con chung: Ba Ka B và ông Trần Xuân Y không có con chung nên không đề cập giải quyết.

[3] Về tài sản: Do bà Ka B không Y cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

[4] Về án phí: Bà Ka B phải chịu án phí sơ thẩm xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Ý kiến Hội thẩm Chung : Nhất trí với ý kiến của hội thẩm Phúc

Ý kiến của chủ Tọa phiên Tòa: Thống nhất với ý kiến của hai hội thẩm.

+ Biểu quyết: Thống nhất 3/3.

Xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Ka B được ly hôn với ông Trần Xuân Y.
2. Về con chung: Bà Ka B và ông Trần Xuân Y không có con chung nên không đặt ra giải quyết.
3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.
4. Về án phí: Bà Ka B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn. Bà Ka B đã tạm nộp 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số SS/2016/0003307 ngày 30/3/2018 của chi cục thi hành án dân sự huyện Di Linh, chuyển số tiền tạm ứng này thành tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai tại UBND xã (phường, thị trấn) nơi đương sự cư trú.

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa